

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/12/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+CNV+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		10+0+12	0+0+0	chuyen 3 cnv - ctk3
2		P11+P9+P5	7:25	15+7+0	0+0+0		14+7+1	0+0+0	chuyen 1 p11- p9
3		P2+GTC1	7:25	20+1	0+0		21+1	0+0	
4		RC4+TD2+P10	9:25	12+6+2	0+0+0		1+6+15	0+0+0	
5		P9+P1	9:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
6		BK4+BK10+BK3	9:25	5+9+7	0+0+0		0+7+7	0+0+0	
7		P1	11:25	21	0		22	0	
8		CTC1+RP2	11:25	12+8	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2024		TO: P10 - CNV - CTK3			AIRCRAFT: 410			ETD: 07:30		
FLIGHT: 1		FROM: VT			CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG -			ETA: 09:20		
XANH-1					THỤ					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	IAKIMIDI RUSLAN	P10	75	1	11	2	28	113	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN THẮNG	P10	71	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	46	1	6			79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	47	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	78	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯƠNG XUÂN THAI	P10	73-74	2	19			73	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VIỆT ĐÔNG	P10	84	1	13			76	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN ANH QUANG	P10	81-82	2	19			80	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN MINH TUÂN	P10	86-87	2	8			67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THAO	P10						71	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	55-56	2	17			83	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THANH DŨNG	P10	52-53	2	13			91	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	83	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ THANH LIÊM	P10	76	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	85	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	80	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TIẾN PHƯƠNG	P10	49	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	48	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	72	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NAM	P10	50-51	2	13			94	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	77	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN BAO TOÀN	P10	54	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	22	1.676	27	196	2	28	10		
2	CNV	0	0	0	0	0	0	0	+2	CHUYEN 03 PAX CNV - CTK3
3	CTK3	0	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		22	1.676	27	196	2	28	22		
WEIGHT KG			1.676		196		28			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2024		TO: P11 - P9 - P5			AIRCRAFT: 428			ETD: 07:35		
FLIGHT: 2		FROM: VT			CREW: CHIẾN - SƠN - DTÙNG			ETA: 09:25		
CAM-1										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN TUƠNG	P11	22-23	2	21			66	YTE	Vietnamese
2	LÊ NGỌC ANH	P11	10	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KIM SƠN	P11	08	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG ANH TUẦN	P11	25-26	2	15			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TÂN	P11	12	1	12			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P11	06-07	2	8			68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO THIÊN THUẬT	P11	16	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH THIÊN TÙNG	P11	24	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẦN CÔNG HUY	P11	13	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LIÊM	P11	19-21	3	20			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P11	18	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ MINH PHƯƠNG	P11	09	1	12			88	ANTOAN	Vietnamese
13	NGÔ VĂN TÍNH	P11	14-15	2	20			64	ANTOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN KIỀU CÀNH	P11	17	1	6			71	PSV	Vietnamese
15	LÊ THANH HẢI	P11	11	1	7			60	PSV	Vietnamese
16	LÊ VĂN LINH	P9	11	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	09	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN HINH	P9	12	1	8			86	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN BÀ KỶ	P9						80	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	13	1	8			58	YTE	Vietnamese
21	VŨ BÀ NẾP	P9	10	1	5	2	21	65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TUẦN ANH	P9	14	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	15	1.059	21	160	0	0	14	1	CHUYEN 1 PAX P11-P9
2	P9	7	500	6	41	2	21	7		
3	P5	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.559	27	201	2	21	22		
WEIGHT KG			1.559		201		21			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRO

DATE: 02/12/2024		TO: P2 - GTC1		AIRCRAFT: 416				ETD: 07:40		
FLIGHT: 3		FROM: VT		CREW: ĐỨC - NAM - HTNAM -				ETA: 09:30		
VANG-1				MQUÂN						
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM VĂN TÂN	P2	47	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TUYẾN	P2	48	1	6	2	19	76	KH-THAC	Vietnamese
3	LAI TIẾN ĐẠT	P2						81	KH-THAC	Vietnamese
4	DUÔNG CHÍ TUYẾN	P2	56	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HỒNG	P2	54	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	57	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VĂN HAI	P2	51	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MINH QUÂN	P2	64	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH BA HOANG NAM	P2	52	1	9			92	KH-THAC	Vietnamese
10	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	65	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2						69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	58	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN ĐỒNG	P2	59	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI HOANG TÂM	P2	53	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC MINH	P2	66-67	2	9			72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THIÊN NAM	P2	62	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ HUY HÙNG	P2	55	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	60	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
19	PHI DUY HOÀN	P2	61	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NHỎ CANG	P2	63	1	5			68	PSV	Vietnamese
21	LÊ ANH DUNG	GTC1	76-77	2	22	4	75	80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	20	1.403	19	106	2	19	21		
2	GTC1	1	80	2	22	4	75	1		
TOTAL		21	1.483	21	128	6	94	22		
WEIGHT KG			1.483		128					

GRAND TOAL: 1.630 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2024		TO: RC4 - TD2 - P10			AIRCRAFT: 410			ETD: 09:50		
FLIGHT: 4		FROM: VT			CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG -			ETA: 11:40		
trang-2					THỤ					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN NAM THANG	RC4	50-51	2	14	4	75	102	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THAI SON	RC4	17-18	2	13			80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DUY KHANH	RC4	46-47	2	19			79	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC DAO	RC4	48-49	2	17			63	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MINH KHUONG	RC4	45	1	6			83	PSV	Vietnamese
6	TRAN XUAN HUNG	TD2	51	1	11			73	DATAKAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LUAN	TD2	49-50	2	14			70	DATAKAN	Vietnamese
8	PHAM HUY THUONG	TD2	55	1	11			88	DATAKAN	Vietnamese
9	ĐAO VAN DUNG	TD2	52	1	13			79	DATAKAN	Vietnamese
10	VU MINH ĐỨC	TD2	53-54	2	18			94	KH-THAC	Vietnamese
11	LE MINH HIEU	TD2	64-65	2	11			74	KH-THAC	Vietnamese
12	BELAIEV S.A.	TD2	48	1	14			80	KH-THAC	Russian
13	VU NGOC TU	TD2	58	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC KHOI	TD2	56-57	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TRUNG	TD2	59-60	2	18			74	KH-THAC	Vietnamese
16	VU MẠNH ĐIẾP	TD2	61	1	12			75	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HANH	TD2	62-63	2	16	1	7	54	CODIEN	Vietnamese
18	HUYNH CONG VAN	P10	90	1	4	1	14	80	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MINH TAN	P10	91-92	2	14			80	Y TE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC4	5	407	9	69	4	75	0		
2	TD2	12	901	18	167	1	7	1		
3	P10	2	160	3	18	1	14	15		
TOTAL		19	1.468	30	254	6	96	16		
WEIGHT KG			1.468		254		96			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2024	TO: P9 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - DTÙNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU NAM GIANG	P9	21	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VIET THANG	P9	27	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
3	LE LANG TU	P9	81	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUNG	P9	67	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH HIEN	P9	20	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUY	P9	60	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRINH THE NHAN	P9	63	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG CONG PHUNG	P9	25-26	2	19			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN DAT	P9	23	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRINH HUY KHIEM	P9	68	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN HOA	P9	64	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
12	HUA SAY	P9	79	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG DUC HAI	P9	61	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUC THANH	P9	62	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TA VAN CUONG	P9	20	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
16	DOAN VAN TRANG	P9	68	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
17	LE TUAN ANH	P9	660	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CUONG	P9	65	1	15			84	KH-THAC	Vietnamese
19	DAO VAN KHOA	P9	22	1	8			65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THUA THAI	P9	66	1	10	2	30	65	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN THANH TUNG	P9	67	1	5			71	CODIEN	Vietnamese
22	HOANG XUAN HUY	P9	05	1	10	1	14	58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	22	1.537	23	169	3	44	17		
2	P1	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	1.537	23	169	3	44	22		
WEIGHT KG			1.537		169		44			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

VIETSOVPETRA

DATE: 02/12/2024		TO: BK4 - BK10 - BK3			AIRCRAFT: 416			ETD: 10:00	
FLIGHT: 6		FROM: VT			CREW: ĐỨC - NAM - HTNAM -			ETA: 11:50	
HONG - 2					MQUAN				

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LƯU VĂN ĐIẾP	BK4	03	1	18	1	20	75	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	11	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	BK4	10	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN CHUNG	BK4	01-02	2	17			81	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN CHUÔNG	BK4	100	1	12			71	ANTOAN	Vietnamese
6	NINH VĂN SƠN	BK4	04-05	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG QUANG THỜI	BK4	08-09	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
8	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	12	1	4			68	PSV	Vietnamese
9	ĐOÀN CHÍ TÀI	BK4	13	1	5			79	PSV	Vietnamese
10	VU VĂN NAM	BK10	01	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN CONG HOAN	BK10	95	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN KHAI	BK10	96	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGHIEM XUAN ANH	BK10	97-98	2	9			55	KH-THAC	Vietnamese
14	DO TUAN VIET	BK10	400	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI CAO DINH	BK10	99	1	5	2	40	62	PSV	Vietnamese
16	MOHAMAD AZHAR BIN SHUFAAT	BK3	26-27	2	22			74	PVMR	Malaysian
17	HỒ CÔNG ANH	BK3	18	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG VINH	BK3	22	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI TRẦN VIỆT	BK3	20-21	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
20	PHUNG CÔNG DU	BK3	19	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ ĐÌNH LỘC	BK3	16	1	7			79	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÙNG	BK3	17	1	5	4	67	69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK4	9	646	12	106	1	20	7		
2	BK10	6	385	7	48	2	40	6		
3	BK3	7	502	9	63	4	67	7		
TOTAL		22	1.533	28	217	7	127	20		
WEIGHT KG			1.533		217		127			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2024		TO: P1		AIRCRAFT: 428				ETD: 12:15		
FLIGHT: 7		FROM: VT		CREW: LINH - NPHÚ - HUY				ETA: 14:05		
CAM-3										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN TRIỆU	P1	44	1	7			79	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ NGUYỄN MINH PHƯỚC	P1	10	1	14			73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC THEP	P1	43	1	14			57	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI VĂN QUYẾT	P1	13-14	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH HIỆU	P1	42	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN HUÂN	P1	36	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM ANH QUÂN	P1	39-40	2	12			63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HỮU MINH	P1	11-12	2	13			80	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN SỸ	P1	22-23	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
10	HUYNH ĐẶNG HOÀI THANH	P1	34-35	2	12			86	XAYLAP	Vietnamese
11	HOANG VĂN SƠN	P1	19	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P1	15-16	2	12	1	7	60	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐO TIẾN MẠNH	P1	17-18	2	18			81	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN NAM ĐỊNH	P1	46-47	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
15	VŨ QUANG TRƯỞNG	P1	20	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	P1	37-38	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KHÁC QUANG	P1	45	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC QUY	P1	21	1	13			65	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI XUÂN QUANG	P1	32-33	2	15			80	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ BA TUÂN	P1	48-49	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
21	VÕ HOANG TIẾN	P1	41	1	18			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	21	1.496	32	307	1	7	22		
TOTAL		21	1.496	32	307	1	7	22		
WEIGHT KG			1.496		307		7			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2024		TO: CTC1 - RP2		AIRCRAFT: 410				ETD: 12:10		
FLIGHT: 8		FROM: VT		CREW: HUNG - MTHAO - TÚ				ETA: 14:00		
XANH-3										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHUNG QUANG ĐẠI	CTC1	97-98	2	15	1	12	78	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐO ĐỨC HẬU	CTC1	88	1	18			64	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG ĐÌNH LUẬN	CTC1	01-02	2	18			53	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ MINH KHANH	CTC1	99,60	2	20			88	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	CTC1	19-20	2	16			80	XAYLAP	Vietnamese
6	LƯU ĐỨC THỊNH	CTC1	17-18	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC VÂN	CTC1	89-90	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN HOÀN	CTC1	21	1	10	1	15	69	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ XUÂN HỒI	CTC1	16	1	15			72	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HUY	CTC1	05-06	2	11			65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN TIẾN TRƯỞNG	CTC1	04	1	17			69	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN VĂN HỌC	CTC1	03	1	18			61	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐO QUỐC VŨ	RP2	71-72	2	16			67	XAYLAP	Vietnamese
14	DƯƠNG MINH HOÀNG	RP2	73	1	14			67	XAYLAP	Vietnamese
15	MAI VĂN MINH	RP2	63	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH ĐỨC	RP2	69-70	2	16			95	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VIỆT HUY	RP2	67-68	2	14			75	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐO DANH NGỌC	RP2	64-65	2	20	3	32	78	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN THIÊN PHÚC	RP2	61-62	2	18			83	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC ĐIỀU	RP2	66	1	14			80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	12	842	19	198	2	27	12		
2	RP2	8	618	13	124	3	32	10		
TOTAL		20	1.460	32	322	5	59	22		
WEIGHT KG			1.460		322		59			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

lưu VSP